

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



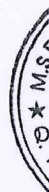
# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KIỂM TOÁN NĂM 2022**





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 28 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Trị Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Ông Lê Quốc Ân Ông Nguyễn Văn Hải Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thị Kim Khanh Ông Nguyễn Thanh Sơn Ông Vũ Ngọc Tú  Ông Nguyễn Ngọc Cách	Trưởng ban Thành viên Thành viên (từ ngày 17 tháng 4 năm 2022) Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2022)
<b>Ban điều hành</b>	Ông Nguyễn Văn Hải Bà Hoàng Thùy Oanh Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Bà Trần Thị Hòa Châu Ông Phạm Ngọc Trung Ông Phan Văn Phước  Ông Phan Quang Long Ông Nguyễn Phước Hoàng Ông Nguyễn Văn Cường Bà Nguyễn Thị Tường Long	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành (đến ngày 30 tháng 11 năm 2022) Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Kế toán trưởng
<b>Trụ sở đăng ký</b>	36 Phố Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

1/27  
iAC - 1/27

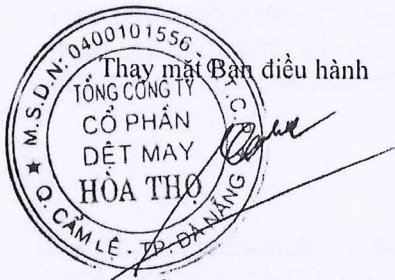
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số: 002402 Quyển số: 01/202...-SCT/BS

Ngày 08-06-2023

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2023

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Trần Thị Bảo Khuyên**



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

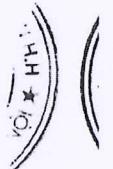
Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00006-23-1



Trương Vĩnh Phúc  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 1901-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Phan Mỹ Linh  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3064-2019-007-1



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.511.336.312.147</b>	<b>1.492.955.787.174</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>8.786.175.645</b>	<b>36.498.496.869</b>
Tiền	111		8.786.175.645	36.498.496.869
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>139.255.000.000</b>	<b>119.955.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	139.255.000.000	119.955.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>437.052.433.464</b>	<b>528.635.756.071</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	424.020.470.624	481.859.691.659
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.220.799.907	47.621.302.862
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.751.260.000	488.100.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	3.910.030.184	4.940.679.311
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(6.850.127.251)	(6.274.017.761)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>886.143.761.390</b>	<b>769.136.326.803</b>
Hàng tồn kho	141		925.306.121.709	769.559.490.915
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(39.162.360.319)	(423.164.112)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>40.098.941.648</b>	<b>38.730.207.431</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	7.633.797.428	8.237.473.464
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.460.878.516	30.492.733.967
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(b)	4.265.704	-

TRÁ

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>678.322.297.194</b>	<b>604.057.522.531</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.651.446.545</b>	<b>3.959.430.014</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	7.614.280.000	994.100.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	3.037.166.545	2.965.330.014
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>512.476.990.033</b>	<b>465.382.921.249</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	509.951.295.545	463.509.070.679
Nguyên giá	222		1.623.214.213.107	1.494.312.101.837
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.113.262.917.562)	(1.030.803.031.158)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.525.694.488	1.873.850.570
Nguyên giá	228		11.676.989.026	10.286.602.913
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.151.294.538)	(8.412.752.343)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.816.482.196</b>	<b>14.352.120.576</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	13.816.482.196	14.352.120.576
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>100.690.398.859</b>	<b>99.814.551.193</b>
Đầu tư vào công ty con	251		92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.242.203.141)	(11.118.050.807)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>40.686.979.561</b>	<b>20.548.499.499</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	33.959.332.420	20.548.499.499
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	6.727.647.141	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.189.658.609.341</b>	<b>2.097.013.309.705</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.381.159.621.572</b>	<b>1.516.269.411.057</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.159.019.568.689</b>	<b>1.278.917.871.473</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	241.848.782.362	305.940.404.464
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.756.263.023	39.583.132.300
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	33.136.697.089	15.569.066.247
Phải trả người lao động	314		292.945.253.366	307.210.490.808
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.776.210.165	3.003.710.607
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		-	85.280.315
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	23.257.867.214	28.883.668.937
Vay ngắn hạn	320	20(a)	483.155.694.128	509.889.744.967
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	67.142.801.342	68.752.372.828
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>222.140.052.883</b>	<b>237.351.539.584</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	22	4.882.461.916	10.740.759.952
Vay dài hạn	338	20(b)	217.257.590.967	226.610.779.632
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>808.498.987.769</b>	<b>580.743.898.648</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>808.498.987.769</b>	<b>580.743.898.648</b>
Vốn cổ phần	411	24	300.030.750.000	236.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.030.750.000	236.250.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	172.150.529.403	137.428.205.782
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		336.317.708.366	207.065.692.866
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		75.083.456.676	43.076.706.676
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		261.234.251.690	163.988.986.190
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.189.658.609.341</b>	<b>2.097.013.309.705</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
 Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

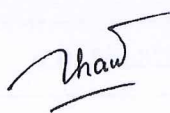
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Mẫu B 02 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	4.731.674.528.123	3.516.793.389.801
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	456.833.533	389.047.465
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>4.731.217.694.590</b>	<b>3.516.404.342.336</b>
Giá vốn hàng bán	11	29	4.201.920.685.457	3.182.660.217.673
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>529.297.009.133</b>	<b>333.744.124.663</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	95.894.369.579	37.162.875.797
Chi phí tài chính	22	31	70.105.296.851	6.187.860.415
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.171.199.985	10.313.660.066
Chi phí bán hàng	25	32	98.183.836.585	84.239.742.842
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	134.056.380.280	99.952.758.565
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>322.845.864.996</b>	<b>180.526.638.638</b>
Thu nhập khác	31	34	6.362.747.859	4.024.111.957
Chi phí khác	32	35	1.153.142.764	1.478.384.445
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>5.209.605.095</b>	<b>2.545.727.512</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>328.055.470.091</b>	<b>183.072.366.150</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	73.548.865.542	19.083.379.960
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52		(6.727.647.141)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>261.234.251.690</b>	<b>163.988.986.190</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
 Chuyên viên



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>328.055.470.091</b>	<b>183.072.366.150</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		104.704.395.238	107.006.872.701
Các khoản dự phòng	03		38.439.458.031	(16.999.004.861)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.227.868.797	(1.586.429.643)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(21.939.142.916)	(6.727.082.714)
Chi phí lãi vay	06		19.171.199.985	10.313.660.066
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>477.659.249.226</b>	<b>275.080.381.699</b>
Biến động các khoản phải thu	09		79.820.765.853	(186.750.267.583)
Biến động hàng tồn kho	10		(155.746.630.794)	(299.704.511.361)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(133.794.490.511)	213.339.930.851
Biến động chi phí trả trước	12		(12.807.156.885)	(1.656.947.713)
			<b>255.131.736.889</b>	<b>308.585.893</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.165.260.806)	(10.197.829.399)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(52.827.436.568)	(12.844.514.807)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		381.616.911	437.134.054
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.788.150.966)	(6.698.901.349)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>171.732.505.460</b>	<b>(28.995.525.608)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(135.307.546.418)	(83.548.713.757)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		4.324.814.074	218.636.364
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(272.382.440.000)	(209.550.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		244.199.100.000	113.772.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		19.737.559.401	5.216.659.457
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(139.428.512.943)</b>	<b>(173.891.417.936)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



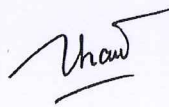
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	11.250.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		3.702.758.114.311	3.090.873.066.262
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.739.191.698.477)	(2.860.803.329.412)
Tiền trả cổ tức	36		(23.567.732.000)	(33.758.358.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(60.001.316.166)</b>	<b>207.561.378.350</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(27.697.323.649)</b>	<b>4.674.434.806</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>36.498.496.869</b>	<b>31.978.925.915</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>(14.997.575)</b>	<b>(154.863.852)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>8.786.175.645</b>	<b>36.498.496.869</b>

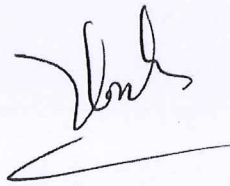
Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

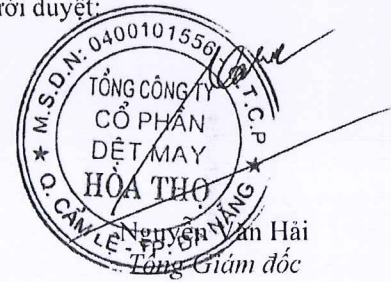


Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

20/12/2022

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau của Tổng Công ty:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2022: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 9.410 nhân viên (1/1/2022: 8.877 nhân viên).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

11/01/2023

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

HAH \* (O) (O)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(n) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty.

TR/AM

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	83.888.000	46.866.000
Tiền gửi ngân hàng	8.702.287.645	36.451.630.869
	<hr/>	<hr/>
	8.786.175.645	36.498.496.869
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, với lãi suất năm từ 4,9% đến 11,2% (1/1/2022: từ 3,3% đến 5,55%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 43.000 triệu VND (1/1/2022: 30.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

11/12/2022  
T.Y.  
S.T.  
T.P.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Địa chỉ	31/12/2022					1/1/2022					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Đầu tư góp vốn vào:											
<i>Công ty con</i>											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	442.088	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	384.424	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	-	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(268.860.364)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	-	-	100%	100%	2.000.000.000	(340.046.437)
					<b>92.748.900.000</b>	<b>-</b>				<b>92.748.900.000</b>	<b>(608.906.801)</b>
<i>Công ty liên kết</i>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(3.436.524.490)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)
					<b>10.428.000.000</b>	<b>(3.436.524.490)</b>				<b>10.428.000.000</b>	<b>(4.000.000.000)</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Địa chỉ	31/12/2022					1/1/2022				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đơn vị khác</b>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(209.144.006)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					7.755.702.000	(6.805.678.651)				7.755.702.000	(6.509.144.006)
					110.932.602.000	(10.242.203.141)				110.932.602.000	(11.118.050.807)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Motives International (Hong Kong) Limited	139.903.797.596	139.699.775.309
Haggar Clothing Co.	91.560.398.308	126.145.167.202
Các khách hàng khác	192.556.274.720	216.014.749.148
	424.020.470.624	481.859.691.659

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	159.181.030	131.545.680
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	-	20.152.327.807
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	967.686.893	753.141.799
<b>Các bên liên quan khác trong</b>		
<b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12.829.156	-
	1.139.697.079	21.037.015.286

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu khác**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	104.481.000	227.896.000
Tạm ứng nhân viên	1.001.992.550	1.128.256.220
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.207.210.507	1.190.743.899
Phải thu khác	1.596.346.127	2.393.783.192
	3.910.030.184	4.940.679.311

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ký quỹ	2.450.000.000	2.450.000.000
Đặt cọc thuê mặt bằng	587.166.545	515.330.014
	3.037.166.545	2.965.330.014

**8. Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Bên liên quan - công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (*)	7.028.580.000	-
<b>Các bên khác</b>		
Phải thu dài hạn khác	585.700.000	994.100.000
	7.614.280.000	994.100.000

(\*) Khoản cho vay không có đảm bảo, hưởng lãi suất 6,0%/năm và sẽ được thu hồi trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 25 tháng 1 năm 2022.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	31/12/2022			Thời gian quá hạn	1/1/2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt Công ty TNHH May Phú Tường	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.880.547.450	(2.016.383.215)	864.164.235	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.880.547.450	(1.440.273.725)	1.440.273.725
		<u>7.714.291.486</u>	<u>(6.850.127.251)</u>	<u>864.164.235</u>		<u>7.714.291.486</u>	<u>(6.274.017.761)</u>	<u>1.440.273.725</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi

(6.850.127.251)

(6.274.017.761)

VOI \* H.H.T

VOI \* M.S.P

Hòa Thọ Dệt May

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	52.541.559.276	(3.003.582.802)	118.211.431.983	-
Nguyên vật liệu	268.221.295.749	(27.329.065.941)	219.271.690.066	-
Công cụ và dụng cụ	503.052.362	-	1.041.594.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	409.137.240.148	(3.305.586.963)	367.984.127.880	-
Thành phẩm	30.869.501.745	(5.515.052.190)	13.223.229.190	(402.545.886)
Hàng hóa	4.996.418.735	(9.072.423)	4.323.949.715	(20.618.226)
Hàng gửi đi bán	159.037.053.694	-	45.503.467.389	-
	<b>925.306.121.709</b>	<b>(39.162.360.319)</b>	<b>769.559.490.915</b>	<b>(423.164.112)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 176.055 triệu VND (1/1/2022: 1.941 triệu VND) hàng mua đang đi đường, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 711.182 triệu VND (1/1/2022: 577.807 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 20(a)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	356.353.313.737	972.484.518.436	64.282.257.190	7.717.936.860	93.474.075.614	1.494.312.101.837
Tăng trong năm	1.311.388.553	22.251.464.525	4.722.993.055	836.973.482	2.387.361.650	31.510.181.265
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	39.861.467.905	68.253.801.102	9.403.818.519	-	5.289.725.336	122.808.812.862
Phân loại lại	-	(3.406.316.277)	3.406.316.277	-	-	-
Thanh lý	-	(25.858.277.957)	(86.366.537)	(119.365.418)	(31.000.000)	(26.095.009.912)
Điều chỉnh lại	-	276.078.636	402.048.419	-	-	678.127.055
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>397.526.170.195</b>	<b>1.034.001.268.465</b>	<b>82.131.066.923</b>	<b>8.435.544.924</b>	<b>101.120.162.600</b>	<b>1.623.214.213.107</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	150.875.636.735	759.449.870.162	35.866.737.409	6.254.175.210	78.356.611.642	1.030.803.031.158
Khấu hao trong năm	20.509.304.929	68.278.244.263	7.207.714.892	598.349.275	7.372.239.684	103.965.853.043
Phân loại lại	-	(908.635.388)	908.635.388	-	-	-
Thanh lý	-	(21.966.661.887)	(67.066.389)	(119.365.418)	(31.000.000)	(22.184.093.694)
Điều chỉnh lại	-	276.078.636	402.048.419	-	-	678.127.055
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>171.384.941.664</b>	<b>805.128.895.786</b>	<b>44.318.069.719</b>	<b>6.733.159.067</b>	<b>85.697.851.326</b>	<b>1.113.262.917.562</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	205.477.677.002	213.034.648.274	28.415.519.781	1.463.761.650	15.117.463.972	463.509.070.679
Số dư cuối năm	226.141.228.531	228.872.372.679	37.812.997.204	1.702.385.857	15.422.311.274	509.951.295.545

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 747.161 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 636.749 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 205.466 triệu VND (1/1/2022: 213.900 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	10.286.602.913
Tăng trong năm	1.390.386.113
	<hr/>
Số dư cuối năm	11.676.989.026
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	8.412.752.343
Khấu hao trong năm	738.542.195
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.151.294.538
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.873.850.570
Số dư cuối năm	2.525.694.488
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.293 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 6.518 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	14.352.120.576	3.708.155.197
Tăng trong năm	122.273.174.482	47.236.908.505
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(122.808.812.862)	(36.215.631.979)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(377.311.147)
Số dư cuối năm	13.816.482.196	14.352.120.576

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Máy móc thiết bị sọt	13.367.742.196	12.685.845.477
Các công trình khác	448.740.000	1.666.275.099
	13.816.482.196	14.352.120.576

**14. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	2.574.658.590	2.061.385.644
Công cụ và dụng cụ	912.584.029	2.360.097.644
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	498.110.110	592.958.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.648.444.699	3.223.031.842
	7.633.797.428	8.237.473.464

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	10.859.368.372	9.689.131.127	20.548.499.499
Tăng trong năm	13.565.700.540	14.462.665.257	28.028.365.797
Thanh lý	(121.132.647)	-	(121.132.647)
Phân bổ trong năm	(10.493.550.120)	(4.002.850.109)	(14.496.400.229)
Số dư cuối năm	13.810.386.145	20.148.946.275	33.959.332.420

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	6.727.647.141	-

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Hultafors Group AB	41.205.311.087	44.776.318.875
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	12.736.138.715	36.430.638.305
Các nhà cung cấp khác	187.907.332.560	224.733.447.284
	241.848.782.362	305.940.404.464



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.023.685.489	16.103.745.493
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	4.153.784.843	432.345.338
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	3.465.355.989	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	607.009.382	230.670.451
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	18.462.790.590	8.334.074.082
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	3.129.482.421	2.430.308.000
	34.842.108.714	27.531.143.364

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.394.335.148	125.968.725.669	(129.562.553.302)	2.800.507.515
Thuế nhập khẩu	207.330.386	7.243.050.691	(7.393.401.039)	56.980.038
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.827.436.568	73.548.865.542	(52.827.436.568)	29.548.865.542
Thuế thu nhập cá nhân	139.964.145	5.293.947.791	(4.703.567.942)	730.343.994
Các loại thuế khác	-	13.535.417.971	(13.535.417.971)	-
	15.569.066.247	225.590.007.664	(208.022.376.822)	33.136.697.089

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2022 VND
Thuế đất phi nông nghiệp	-	4.265.704	-	4.265.704

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí hoạt động	3.738.602.057	1.388.294.431
Chi phí lãi vay	273.801.697	267.862.518
Các khoản trích trước khác	763.806.411	1.347.553.658
	<b>4.776.210.165</b>	<b>3.003.710.607</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Kinh phí công đoàn	15.063.335.443	16.519.345.858
Phải trả nguyên vật liệu	-	5.663.211.997
Cổ tức phải trả	1.034.694.600	977.426.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	165.000.000
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	832.771.781	832.771.781
Ứng trước từ khách hàng cho các khoản chi hộ	2.506.906.124	2.703.517.178
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.820.159.266	2.022.395.523
	<b>23.257.867.214</b>	<b>28.883.668.937</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2022</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	<b>Tăng</b> VND	<b>Giảm</b> VND	<b>Chênh lệch tỷ giá</b> chưa thực hiện VND	<b>31/12/2022</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	488.632.814.504	3.702.815.314.311	(3.717.934.768.015)	(6.646.737.752)	466.866.623.048
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	21.256.930.463	16.207.536.678	(21.256.930.462)	81.534.401	16.289.071.080
	<b>509.889.744.967</b>	<b>3.719.022.850.989</b>	<b>(3.739.191.698.477)</b>	<b>(6.565.203.351)</b>	<b>483.155.694.128</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2022</b> VND	<b>1/1/2022</b> VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	3,7%	315.182.355.128	205.675.587.086
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,7 - 4,2%	58.616.896.720	77.942.926.642
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	1,56%	-	37.633.249.507
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	1,40%	-	167.132.051.269
Vay ngân hàng 5 (i)	VND	2,1% - 2,2%	44.392.085.507	-
Vay ngân hàng 6 (ii)	VND	3,7%	48.375.285.693	-
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	8,4%	300.000.000	249.000.000
			<b>466.866.623.048</b>	<b>488.632.814.504</b>

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 5(a)), một số hàng tồn kho (Thuyết minh 10) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 11).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	233.546.662.047	247.867.710.095
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(16.289.071.080)	(21.256.930.463)
	217.257.590.967	226.610.779.632

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2022	1/1/2022
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	5,0%	2022	-	5.588.879.756
Vay ngân hàng 2 (i)	VND	6,83%	2024	20.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2,6%	2025	4.030.000.000	5.270.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (iii)	USD	SOFR + 0,7%	2039	209.516.662.047	207.008.830.339
				233.546.662.047	247.867.710.095

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 5(a)).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

11/12/2022

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	68.752.372.828	72.523.791.358
Trích lập trong năm (Thuyết minh 23)	9.854.162.569	2.540.348.765
Tăng khác	381.616.911	437.134.054
Sử dụng trong năm	(11.845.350.966)	(6.748.901.349)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>67.142.801.342</b>	<b>68.752.372.828</b>

**22. Người mua trả tiền trước dài hạn**

Khoản người mua trả trước dài hạn từ Motives International (Hong Kong) Limited (“Motives”) được dùng để đầu tư dây chuyền thiết bị mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của Motives. Số tiền ứng trước này đã được cần trừ dần kể từ năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2025.

101  
CỔ  
H N  
KI  
H N  
C U P  
M U L E

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	225.000.000.000	128.382.421.384	88.412.839.839	441.795.261.223
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	163.988.986.190	163.988.986.190
Phát hành cổ phiếu	11.250.000.000	-	-	11.250.000.000
Phân bổ vào các quỹ	-	9.045.784.398	(9.045.784.398)	-
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(33.750.000.000)	(33.750.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.540.348.765)	(2.540.348.765)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>137.428.205.782</b>	<b>207.065.692.866</b>	<b>580.743.898.648</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	261.234.251.690	261.234.251.690
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	34.722.323.621	(34.722.323.621)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	63.780.750.000	-	(63.780.750.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(23.625.000.000)	(23.625.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.854.162.569)	(9.854.162.569)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>300.030.750.000</b>	<b>172.150.529.403</b>	<b>336.317.708.366</b>	<b>808.498.987.769</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2022			1/1/2022		
	Đã phát hành và đang lưu hành			Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	18.561.838	185.618.380.000	61,87%	14.615.621	146.156.210.000	61,87%
Các cổ đông khác	11.441.237	114.412.370.000	38,13%	9.009.379	90.093.790.000	38,13%
	30.003.075	300.030.750.000	100%	23.625.000	236.250.000.000	100%

Công ty mẹ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2022		2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	6.378.075	63.780.750.000	1.125.000	11.250.000.000
Số dư cuối năm	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**26. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 16 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 23.625 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 10%) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 63.780 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 27%) cho năm 2021 (2021: 33.750 triệu VND cho năm 2020, tương đương 15% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020).

**27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	27.707.500.628	20.540.730.148
Trong vòng hai đến năm năm	106.297.912.629	77.343.171.463
Sau năm năm	145.951.449.554	96.420.735.773
	279.956.862.811	194.304.637.384

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	56.757	1.328.445.938	101.325	2.294.822.989
EUR	-	-	221	5.616.408
		1.328.445.938		2.300.439.397

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	43.100.000.000	31.020.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.742.000.000	27.417.600.000
	48.842.000.000	58.437.600.000

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	4.726.679.520.127	3.512.626.181.727
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	4.995.007.996	4.167.208.074
	4.731.674.528.123	3.516.793.389.801
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(456.833.533)	(389.047.465)
Doanh thu thuần	4.731.217.694.590	3.516.404.342.336

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Giá vốn hàng bán**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công và may mặc	4.160.240.525.237	3.184.334.259.919
Giá vốn dịch vụ khác	2.940.964.013	2.533.180.219
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	38.950.588.617	211.392.410
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(211.392.410)	(4.418.614.875)
	<b>4.201.920.685.457</b>	<b>3.182.660.217.673</b>

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	12.120.559.401	4.781.869.457
Cổ tức được chia	8.902.600.000	1.720.390.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	74.848.305.046	29.065.907.324
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.586.429.643
Chiết khấu thanh toán	22.905.132	8.279.373
	<b>95.894.369.579</b>	<b>37.162.875.797</b>

**31. Chi phí tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	19.171.199.985	10.313.660.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.582.075.735	9.805.774.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.227.868.797	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(875.847.666)	(13.931.574.621)
	<b>70.105.296.851</b>	<b>6.187.860.415</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí bán hàng**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	4.069.150.122	3.735.145.558
Chi phí vật liệu, bao bì	802.928.434	637.898.653
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	67.377.458	186.088.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.196.784.738	68.148.107.585
Chi phí khác	15.047.595.833	11.532.502.954
	<b>98.183.836.585</b>	<b>84.239.742.842</b>

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	60.350.242.241	51.951.052.865
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.489.962.901	2.515.300.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.771.425.507	10.788.965.039
Thuế, phí và lệ phí	11.966.336.298	3.695.808.306
Dự phòng phải thu khó đòi	576.109.490	1.139.792.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.544.735.352	14.187.979.480
Chi phí khác	23.357.568.491	15.673.860.462
	<b>134.056.380.280</b>	<b>99.952.758.565</b>

**34. Thu nhập khác**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	915.983.515	224.823.257
Khoản hỗ trợ từ khách hàng và nhà cung cấp	2.497.702.339	2.495.884.714
Các khoản thu nhập khác	2.949.062.005	1.303.403.986
	<b>6.362.747.859</b>	<b>4.024.111.957</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí khác**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	190.806.727	523.888.337
Các khoản chi phí khác	962.336.037	954.496.108
	<b>1.153.142.764</b>	<b>1.478.384.445</b>

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.598.169.044.348	1.851.988.814.901
Chi phí nhân viên	1.211.159.937.167	1.026.132.967.374
Chi phí khấu hao và phân bổ	104.704.395.238	107.006.872.701
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	576.109.490	1.139.792.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	669.540.939.363	466.010.201.923

**37. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	73.548.865.542	19.081.373.230
Dự phòng thiếu năm trước	-	2.006.730
	<b>73.548.865.542</b>	<b>19.083.379.960</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(6.727.647.141)	-
	<b>66.821.218.401</b>	<b>19.083.379.960</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	328.055.470.091	183.072.366.150
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	65.611.094.018	18.307.236.615
Dự phòng thiếu năm trước	-	2.006.730
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	419.127.223
Chi phí không được khấu trừ thuế	587.482.693	236.280.346
Thu nhập không bị tính thuế	(1.780.520.000)	(172.039.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	2.755.099.649	290.768.046
Giảm thuế (*)	(351.937.959)	-
	66.821.218.401	19.083.379.960

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

10/12/2022  
 T.Y.  
 H.U.H  
 G  
 I.P.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	14.615.621.000	21.923.431.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.435.733.519	1.751.710.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.958.594.950	19.359.892.147
Chi phí quản lý khoản vay và lãi vay	6.454.974.769	3.507.645.104
Mua tài sản cố định	32.600.000.000	-
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.025.940.244	4.314.704.352
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.859.429.700	945.760.000
Cổ tức nhận được	-	266.790.000
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.350.723.157	879.089.008
Mua hàng hóa và dịch vụ	60.913.110.669	51.015.432.298
Bán tài sản cố định	260.306.165	21.167.992
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	367.469.364	715.430.641
Mua hàng hóa và dịch vụ	60.293.426.248	43.470.911.981
Bán tài sản cố định	12.287.000	87.459.874
<b>Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	55.129.720.446	69.220.083.174
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.020.567.760	1.985.606.784
Bán tài sản cố định	3.500.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	111.106.985	14.876.562
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.642.531.407	2.817.469.436
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	467.379.207	281.544.123
Mua hàng hóa và dịch vụ	108.394.147.998	74.639.037.251
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.285.600.000
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.307.845.359	1.240.096.005
Mua hàng hóa và dịch vụ	89.428.986.872	56.109.803.069
Bán tài sản cố định	229.492.494	113.447.714

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	11.878.848	883.181.123
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.660.326	23.452.541
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.460.621.212	17.421.150.091
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	129.818.201	11.397.722.272
Mua hàng hóa và dịch vụ	41.496.000	11.250.850.800
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của người quản lý chủ chốt</b>		
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.748.248.966	1.314.157.804
<b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b>		
Tiền lương và thưởng	10.409.920.957	8.532.802.196
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và thù lao	494.876.729	463.587.917
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thù lao	2.277.829.021	2.033.060.001
<b>Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	133.333.333	133.333.334
<b>Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.668	66.666.667
<b>Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.668	66.666.667
<b>Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	322.222.219	299.999.997
<b>Thành viên 5 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.668	66.666.667

501  
 CÔNG  
 TH NI  
 KẾ  
 LIỆ



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.285.600.000
Bán tài sản cố định thông qua bù trừ công nợ	502.085.659	222.075.580
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi sang vay ngắn hạn	57.200.000	50.000.000

**40. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Giám đốc







